

Bản án số: 01 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-3-2020

V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giúp;

2. Bà Hà Thị Thu;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Xuân Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2019/TLST-HNGĐ ngày 12-12-2019 về Tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02-3-2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Chú A T** - Sinh năm 19...

Địa chỉ: Thôn CL, xã PD, huyện T, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt.

- **Bị đơn:** Chị **Phù Nhị M** - Sinh năm 19....

Địa chỉ: Thôn CL, xã PD, huyện T, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn – anh Chú A T trình bày:

Anh Chú A T và chị Phù Nhị M chung sống như vợ chồng tại thôn CL, xã PD, huyện T, tỉnh Quảng Ninh từ tháng 11/2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, mặc dù đã được cán bộ thôn, xã vận động đi đăng ký kết hôn, nhưng không đi đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị M mãi chơi, không chịu chăm lo cho gia đình. Năm 2015 chị M tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Thấy rằng tình cảm không còn,

anh chị đều đã có cuộc sống riêng, vì vậy anh T đề nghị không công nhận anh và chị M là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, anh T chị M sinh được 02 con chung là Cháu Thị L - sinh ngày .../.../20... và Cháu Văn P – sinh ngày .../.../20..., anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Cháu Văn P đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), chị Phùn Nhì M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Cháu Thị L đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn – chị Phùn Nhì M trong quá trình giải quyết vụ án khai về việc chung sống như vợ chồng với anh Cháu A T nhưng không đăng ký kết hôn tương tự như anh T khai. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không chịu làm ăn, thường xuyên chửi mắng chị, năm 2015 chị đã về nhà mẹ đẻ sống. Thực tế giữa chị và anh T không tồn tại quan hệ vợ chồng. Nay anh T yêu cầu không công nhận chị và anh T là vợ chồng thì chị nhất trí.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, chị và anh Cháu A T sinh được 02 con chung là Cháu Thị L - sinh ngày .../.../20... và Cháu Văn Phong – sinh ngày .../.../20..., chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Cháu Thị L đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh Cháu A T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Cháu Văn P đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T và chị M thỏa thuận về con chung như sau: Đối với con chung Cháu Thị L - sinh ngày .../.../20... đã đủ 18 tuổi, không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động, nên anh chị không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung Cháu Văn Ph – sinh ngày .../.../20..., anh chị thỏa thuận để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa anh T khai không có; Chị M khai quá trình sống chung, anh chị có trồng keo chung, đề nghị Tòa án xem xét.

Về nợ chung, anh T chị M khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa có quan điểm cho rằng: Về tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên đã thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo luật định; Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thu thập chứng cứ theo đúng trình tự và thủ tục; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã chấp hành đúng nghĩa vụ của mình trong quá trình tố tụng. Về nội dung: Anh Cháu A T và chị Phùn Nhì M có đủ điều kiện kết hôn theo quy định, chung sống như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Tuyên bố không công nhận anh Cháu A T và chị Phùn Nhì M là vợ chồng. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh T và chị M về việc giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Cháu Văn P đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa anh Cháu A T và chị Phùn Nhì M là Tranh chấp hôn nhân và gia đình, căn cứ Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Cháu A T và chị Phùn Nhì M có đủ điều kiện kết hôn, chung sống như vợ chồng, mặc dù có tổ chức lễ cưới theo truyền thống nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó yêu cầu khởi kiện của anh Cháu A T về việc không công nhận anh T và chị M là vợ chồng là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[3] Về trách nhiệm nuôi con chung:

Anh Cháu A T chị Phùn Nhì M sinh được 02 con chung là Cháu Thị L - sinh ngày .../.../20... và Cháu Văn P – sinh ngày .../.../20....

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T và chị M thỏa thuận: Đối với con chung Cháu Thị L đã đủ 18 tuổi, không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động, nên anh chị không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung Cháu Văn P, anh T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Cháu Văn P trong quá trình giải quyết vụ án.

Xét thấy thỏa thuận của các đương sự về trách nhiệm nuôi con chung là không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, chị Phùn Nhì M khai có tài sản chung là rừng keo, đề nghị Tòa án xem xét. Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến trước phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, chị Phùn Nhì M đều khai không có và không yêu cầu. Do đó tại phiên tòa không xem xét, mà dành cho đương sự quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu chia tài sản chung.

[5] Về nợ chung, các đương sự khai không có nên không đề cập;

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận anh Cháu A T và chị Phùn Nhì M là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về trách nhiệm nuôi con chung:

Anh Cháu A T được quyền trực tiếp trông nom chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Cháu Văn P – sinh ngày .../.../20... đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Phùn Nhì M không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phùn Nhì M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh Cháu A T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0008208 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh; Anh T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các Đương sự (*Để thi hành*)
- THADS huyện Tiên Yên;
- VKSND huyện Tiên Yên;
- TA tỉnh Q/N (*để báo cáo*);
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Đức Tuấn